

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /2024/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải đối với vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển; có giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí đối với đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2241/TTr-STNMT-CTR ngày 14 tháng 3 năm 2024; Báo cáo thẩm định số 5318/BC-STP-VB ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc xác định khu vực, địa điểm đổ thải; các điều kiện cần thiết của vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; các yêu cầu đối với cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động tiếp nhận và đổ thải vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nguyên tắc, mục đích áp dụng

1. Chất thải phát sinh trong hoạt động nạo vét, tiếp nhận vật chất nạo vét tại khu vực, địa điểm đổ thải (nếu có) phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến các địa điểm xử lý theo quy hoạch hoặc các địa điểm đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép để xử lý đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định.

2. Khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét phải đảm bảo có thể tiếp nhận toàn bộ hoặc một phần chất nạo vét của công trình, dự án trên địa bàn hoặc các tỉnh lân cận, không có tranh chấp, không trong tình trạng đang chuyển đổi mục đích sử dụng hoặc chuyển quyền sử dụng đất.

3. Quyết định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng thống nhất trong quá trình lựa chọn khu vực, địa điểm để đổ thải vật chất nạo vét trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đối với các dự án liên quan đến hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa nhằm mục đích hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có phát sinh các trường hợp khác,

chưa được quy định trong văn bản này và các văn bản quy phạm pháp luật cấp Trung ương thì Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Vùng nước cảng biển là vùng nước được giới hạn để thiết lập vùng nước trước cầu cảng, bến phao, vùng quay trở tàu, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu tránh bão, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch, luồng hàng hải và xây dựng các công trình phụ trợ khác.

2. Vùng nước đường thủy nội địa bao gồm đường thủy nội địa, hành lang bảo vệ luồng, vùng nước cảng, bến thủy nội địa, khu tránh trú bão, khu chuyển tải, khu neo đậu thủy nội địa.

3. Cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét là các cá nhân, tổ chức sở hữu quyền sử dụng đất hợp pháp (hoặc được cấp có thẩm quyền giao quản lý đất) toàn bộ khuôn viên của vị trí đã được cơ quan có thẩm quyền xác định đủ điều kiện tiếp nhận vật chất nạo vét.

4. Chủ dự án là chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư công trình nạo vét trong trong hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển.

Điều 4. Quy định về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Khu vực, địa điểm đổ thải vật chất nạo vét phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, khu vực có nguy cơ sạt lở, các điểm phục vụ du lịch, bến thủy nội địa phục vụ du lịch, khu vực nuôi trồng thủy sản phục vụ du lịch và các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, sông, hồ, kênh rạch theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

2. Đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cảnh quan, an ninh trật tự, không xâm phạm chỉ giới giao thông, bảo đảm các quy định về hành lang bảo vệ công trình đường bộ, đường thủy nội địa, không làm ảnh hưởng đến đời sống và sức khỏe người dân.

3. Để đảm bảo an toàn trong quá trình tiếp nhận, lưu chứa vật chất nạo vét và hạn chế tác động xấu của vật chất nạo vét đến môi trường xung quanh, khu vực đổ thải vật chất nạo vét phải có bờ bao (bằng đất tự nhiên, bê tông cốt thép hoặc vật liệu khác có chiều cao, độ dày phù hợp với khối lượng tiếp nhận vật chất nạo vét), dung tích lưu chứa phù hợp để đảm bảo thời gian lắng và tiêu thoát nước.

Điều 5. Quy định về bảo vệ môi trường, phân luồng giao thông nhằm kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong vận chuyển vật chất nạo vét

1. Đối với từng dự án cụ thể và từng vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét; hành trình các tuyến đường thủy, đường bộ vận chuyển vật chất nạo vét, Sở Giao thông Vận tải sẽ thỏa thuận phương án phân luồng giao thông, phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, đường bộ theo các nội dung quy định tại: Khoản 1, 2, 3 Điều 65 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 5, Điều 6 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ; Điều 41 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa và Thông tư số 42/2021/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác điều tiết không chế bảo đảm an toàn giao thông, chống va trôi và hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên các nguyên tắc như sau:

a) Phân luồng giao thông

Chủ dự án phải tuân thủ, xác định thời gian hoạt động của các loại phương tiện thủy nạo vét để giảm thiểu tiếng ồn phát sinh từ quá trình nạo vét ảnh hưởng đến khu vực có đông dân cư sinh sống và thực hiện các phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy trong quá trình nạo vét và vận chuyển chất nạo vét.

Phương tiện vận chuyển vật chất nạo vét phải tuân thủ quy định về các khu vực cấm và khu vực hạn chế đã được các cơ quan có thẩm quyền ban hành (đặc biệt là trong các khu vực nhạy cảm với môi trường như khu dự trữ sinh quyển, khu vực nuôi trồng hải sản, các khu vực bảo tồn).

Chủ dự án phải tuân thủ các quy định về hành trình vận chuyển chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét. Phương tiện vận chuyển vật chất nạo vét bằng đường thủy, đường bộ phải tuân thủ theo lộ trình được cơ quan thẩm quyền cho phép.

b) Quy định về loại phương tiện thủy

Chủ dự án phải chấp hành đúng quy định về xác định các loại phương tiện thủy được phép tham gia vào hoạt động nạo vét và vận chuyển vật chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét; quá trình vận chuyển chất nạo vét, phương tiện vận chuyển chất nạo vét phải được che chắn, không để rơi vãi từ phương tiện xuống sông, kênh, rạch và đường bộ khi tham gia giao thông.

2. Kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí trong vận chuyển vật chất nạo vét

a) Chủ dự án phải tuân thủ các quy định về quy trình và kỹ thuật thực hiện nạo vét để giảm thiểu ảnh hưởng đến môi trường, bao gồm việc sử dụng thiết bị chuyên biệt, quy trình hợp lý để quản lý vật chất nạo vét.

b) Chủ dự án công trình nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa phải chịu trách nhiệm đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh trong quá trình thực hiện nạo vét và đổ thải vật chất nạo vét.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý và các đơn vị có liên quan về khu vực, địa điểm đổ thải

1. Sở Giao thông vận tải

a) Tuyên truyền pháp luật về giao thông đường thủy đến các tổ chức cá nhân có liên quan hoạt động nạo vét trên các tuyến đường thủy nội địa.

b) Hàng năm, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân Thành Hồ Chí Minh phố quyết định lập mới hoặc sửa đổi, bổ sung, công bố danh mục các khu vực, vị trí đổ thải trên địa bàn Thành phố.

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện việc xem xét, đánh giá khu vực, địa điểm đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét đối với các tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn Thành phố.

d) Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải và hướng dẫn của Bộ Giao thông Vận tải về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa đã được ban hành để tham mưu tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn Thành phố theo quy định; hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét vùng nước đường thủy nội địa và tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển vật chất nạo vét đến khu vực, địa điểm đổ thải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét, vận chuyển.

đ) Căn cứ vào vị trí nạo vét và địa điểm đổ chất nạo vét theo danh mục được Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành hoặc chấp thuận để hướng dẫn Chủ đầu tư, Nhà đầu tư thực hiện các phương án phân luồng giao thông, phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy, đường bộ và kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các loại phương tiện giao thông tham gia vận chuyển vật chất nạo vét từ khu vực nạo vét đến vị trí đổ thải.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải xây dựng quy trình, thủ tục thực hiện việc xem xét, đánh giá khu vực, địa điểm đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét đối với các tổ chức/cá nhân có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét trên địa bàn Thành phố; chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện (nơi tiếp nhận vật chất nạo vét) và các đơn vị có liên quan xem xét hồ sơ

chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trình Ủy ban nhân dân Thành phố để trả lời tổ chức, cá nhân về việc khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ vét có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện tiếp nhận chất nạo vét.

b) Chủ trì, phối với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố danh mục các khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ đã được chấp thuận để Ủy ban nhân dân Thành phố công bố khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên bờ thuộc phạm vi quản lý, trước ngày 15 tháng 11 hàng năm cập nhật bổ sung nếu có thay đổi so với khu vực, địa điểm đã được công bố.

c) Hàng năm thống kê nhu cầu về khu vực, địa điểm đổ chất nạo vét trên địa bàn Thành phố theo danh mục các dự án nạo vét (trong đó có dự án đầu tư xây dựng mới, dự án chuyển tiếp từ năm trước), tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 15 tháng 4 để đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

d) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát chủ sở hữu các khu vực, vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường tại vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét.

đ) Chủ trì xây dựng mạng lưới quan trắc trầm tích tại vùng nước đường thủy nội địa trên địa bàn thành phố, lập kế hoạch duy trì việc quan trắc hàng năm làm cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước đối với vật chất nạo vét trên địa bàn Thành phố.

e) Nghiên cứu, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện chuyển đổi số trong việc quản lý các khu vực, địa điểm đổ thải vật chất nạo vét trên địa bàn Thành phố, từng bước hoàn thiện các Mô hình tham chiếu dữ liệu làm cơ sở cho việc triển khai các ứng dụng và tạo lập cơ sở dữ liệu trên địa bàn Thành phố.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết, xem xét hồ sơ chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét.

4. Sở Xây dựng

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết, xem xét hồ sơ chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét vào mục đích san lấp, xây dựng.

5. Sở Tài chính

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tổng hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để thực hiện Quyết định này theo phân cấp ngân sách và quy định hiện hành.

6. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai đến các tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký nhu cầu tiếp nhận, đổ thải vật chất nạo vét.

b) Có ý kiến về sự phù hợp (về môi trường, quy hoạch, pháp lý khu đất, sự đồng thuận của người dân,...) của vị trí đổ thải vật chất nạo vét.

c) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở các tổ chức, cá nhân có liên quan hoạt động đổ thải vật chất nạo vét trên địa bàn theo quy định; kịp thời phát hiện và xử lý các trường hợp vi phạm quy định pháp luật về vệ sinh môi trường trong hoạt động đổ thải vật chất nạo vét trên địa bàn quản lý và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi.

d) Tổ chức tuyên truyền các quy định của Ủy ban nhân dân Thành phố về quản lý vật chất nạo vét từ hệ thống giao thông đường thủy nội địa và đường biển (nếu có).

đ) Giám sát việc quản lý, sử dụng bùn nạo vét sau khi hoàn tất việc đổ thải vật chất nạo vét đối với các trường hợp đổ thải tại các khu đất có nguồn gốc sở hữu nhà nước trên địa bàn.

7. Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh

a) Căn cứ vào phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển được phê duyệt để tiến hành các giải pháp phân luồng giao thông, kiểm soát ô nhiễm môi trường đối với các phương tiện tham gia vận chuyển vật chất nạo vét đến khu vực, địa điểm đổ thải trong vùng nước cảng biển nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường không khí trên địa bàn Thành phố.

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý, vật chất nạo vét từ vùng nước cảng biển đến khu vực, vị trí đổ thải.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thanh tra, kiểm tra công tác thu gom, vận chuyển, xử lý vật chất nạo vét từ vùng nước cảng biển.

d) Căn cứ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông vận tải và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển đã được ban hành để tham mưu tổ chức thực hiện hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển trên địa bàn Thành phố theo quy định; hướng dẫn và kiểm tra các tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển vật chất nạo vét đến khu vực, địa điểm đổ thải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình nạo vét, vận chuyển.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, tổ chức có hoạt động nạo vét tại vùng nước đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển

1. Phân định, phân loại vật chất nạo vét phát sinh từ dự án, đảm bảo vật chất nạo vét đem đổ thải không chứa các tạp chất gây ô nhiễm môi trường.

2. Chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư phải có văn bản thỏa thuận tiếp nhận vật chất nạo vét (chất nạo vét) với cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét trong đó nêu rõ trách nhiệm đối với các bên.

3. Đối với các trường hợp đổ thải tại các khu đất có nguồn gốc sở hữu nhà nước, trong văn bản thỏa thuận tiếp nhận bùn nạo vét phải nêu rõ trách nhiệm quản lý, sử dụng bùn nạo vét sau khi hoàn tất việc đổ thải vật chất nạo vét và gửi về Ủy ban nhân dân cấp huyện để theo dõi, giám sát.

4. Chủ trì phối hợp với cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét thực hiện công tác bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc tại vị trí tiếp nhận trong và sau quá trình đổ thải vật chất nạo vét theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (hoặc đăng ký môi trường đã cam kết) của các dự án.

5. Phối hợp với cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét xử lý ô nhiễm môi trường và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường nếu kết quả quan trắc có thông số vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành (trong trường hợp xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường là do việc đổ thải vật chất nạo vét).

6. Tổ chức, cá nhân có hoạt động nạo vét vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa và tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển vật chất nạo vét đến khu vực, địa điểm đổ thải có phát thải bụi, khí thải tác động xấu đến môi trường phải có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý theo quy định; có biện pháp đảm bảo không phát tán bụi, khí thải, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt mức cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

7. Triển khai giám sát công tác bảo vệ môi trường: tại vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét trước và sau khi đổ; công tác vận chuyển vật chất nạo vét từ công trình đến vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét theo đúng hồ sơ thiết kế được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật khác có liên quan.

8. Kiểm soát phương tiện vận chuyển vật chất nạo vét để đảm bảo phương tiện phải có giấy chứng nhận đăng ký; giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hạn sử dụng theo đúng quy định.

9. Chỉ được đổ thải vật chất nạo vét khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Hàng năm thực hiện đăng ký danh mục dự án nạo vét (dự án đầu tư mới, dự án chuyển tiếp từ năm trước) tại vùng nước đường thủy nội địa và vùng nước cảng biển và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 3 để theo dõi, quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức sở hữu vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét

1. Tổ chức, cá nhân có khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét hoặc có nhu cầu tiếp nhận chất nạo vét gửi văn bản tới cơ quan đầu mối tiếp nhận là Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét.

2. Phối hợp với các chủ dự án có vật chất nạo vét đổ thải thực hiện chương trình quan trắc môi trường sau khi tiếp nhận vật chất nạo vét theo hồ sơ đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt (hoặc đăng ký môi trường đã cam kết) của các dự án.

3. Chủ trì phối hợp với các chủ dự án đổ thải vật chất nạo vét xử lý ô nhiễm môi trường và báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường nếu kết quả quan trắc có thông số vượt giới hạn cho phép theo quy chuẩn hiện hành (trong trường hợp xác định được nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường là do việc đổ thải vật chất nạo vét).

Điều 9. Tổ chức thực hiện, lấy ý kiến của các đơn vị liên quan đối với các vị trí đổ thải vật chất nạo vét do chủ dự án chủ động tìm kiếm, đề xuất

1. Chủ dự án gửi hồ sơ đề xuất vị trí đổ thải vật chất nạo vét về Sở Tài nguyên và Môi trường với thành phần hồ sơ bao gồm: bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực từ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc các văn bản cho phép sử dụng khu đất của cơ quan có thẩm quyền, sức chứa của bãi đổ; khoảng cách từ bãi đổ đến các khu dân cư và công trình công cộng; phương án thiết kế, xây dựng đê bao; phương án đổ vật chất nạo vét, trong đó thể hiện khoảng cách vận chuyển vật chất nạo vét từ công trình đến bãi đổ; phương án thiết kế bãi đổ, trong đó thể hiện khoảng cách từ bãi đổ đến khu vực dân cư tập trung, trường học, bệnh viện, trung tâm văn hóa xã hội, di tích lịch sử, khu vực có nguy cơ sạt lở; công tác bảo vệ môi trường và quan trắc môi trường trong và sau quá trình tiếp nhận vật chất nạo vét; kết quả phân tích thành phần, tính chất vật chất nạo vét; văn bản thỏa thuận tiếp nhận vật chất nạo vét đối với khu đất thuộc quyền sở hữu, quản lý của tổ chức, cá nhân; văn bản cam kết của chủ dự án chịu trách nhiệm về thành phần, tính chất của vật chất nạo vét và cam kết đổ vật chất nạo vét

với khối lượng như đã nêu tại hồ sơ chấp thuận vị trí đổ vật chất nạo vét; phương án phòng chống sự cố môi trường trong quá trình tiếp nhận vật chất nạo vét; phương án sử dụng vật chất nạo vét sau khi tiếp nhận.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi có vị trí tiếp nhận vật chất nạo vét) tổ chức khảo sát thực tế vị trí đổ thải vật chất nạo vét và lấy ý kiến của đại diện các đơn vị có liên quan.

3. Trên cơ sở ý kiến của các đơn vị tham gia khảo sát thực tế vị trí đổ thải vật chất nạo vét và nội dung bổ sung, chỉnh sửa của chủ dự án (nếu có), Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Ban Pháp chế HĐND Thành phố;
- Sở Tư pháp (Phòng Kiểm tra văn bản);
- VPUB: PCVP/ĐT;
- Trung tâm Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, (ĐT, BvC) 8

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Cường